

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **3770**/LĐTBXH-PC
V/v Báo cáo tình hình thi hành pháp luật 2018

Hà Nội, ngày **07** tháng 9 năm 2018

Kính gửi: Các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ

Thực hiện Quyết định số 48/QĐ-LĐTBXH¹, thực hiện Khoản 6 Điều 16 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP², và chuẩn bị tài liệu làm việc với Bộ Tư pháp về kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh, Bộ đề nghị các đơn vị:

- 1. Cục Việc làm, Vụ Bảo hiểm xã hội:** Chuẩn bị báo cáo theo Phụ lục 01 gửi kèm Công văn này.
- 2. Các Cục, Tổng Cục:** Chuẩn bị báo cáo theo Phụ lục 02 gửi kèm Công văn này.
- 3. Thanh tra Bộ:** Chuẩn bị báo cáo theo Phụ lục 03 gửi kèm Công văn này.
- 4. Vụ Kế hoạch tài chính:** Chuẩn bị báo cáo theo Phụ lục 04 gửi kèm Công văn này.

Báo cáo gửi về Vụ Pháp chế³ **trước ngày 25/9/2018** để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu VT, PC.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ PHÁP CHẾ



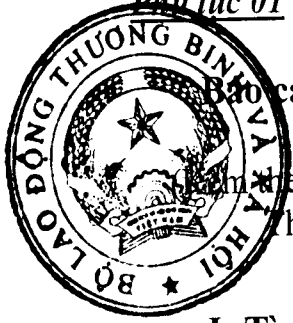
Hà Đình Bốn

¹ Quyết định số 48/QĐ-LĐTBXH ngày 16/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Kế hoạch thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội năm 2018.

² Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi thi hành pháp luật.

³ Bản cứng Báo cáo gửi về Vụ Pháp chế, bản mềm báo cáo đề nghị gửi về địa chỉ mail: haohaomolisa@gmail.com

Phụ lục 01



ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp

theo Công văn số 3770 /LĐTBXH-PC ngày 07/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về báo cáo theo dõi thi hành pháp luật (2018)

I. Tình hình tổ chức triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp

1. Về tổ chức triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật

Tình hình ban hành văn bản chỉ đạo triển khai, ban hành kế hoạch triển khai văn bản quy phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

2. Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết Luật Bảo hiểm xã hội và Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.

a) Tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết

- Kết quả, tiến độ rà soát văn bản quy phạm pháp luật, xác định số lượng, lên danh mục văn bản quy định chi tiết cần ban hành;

- Kết quả, tiến độ ban hành văn bản.

Lập Bảng tổng hợp kết quả theo dõi tính kịp thời, đầy đủ của việc an hành văn bản quy định chi tiết Luật Bảo hiểm xã hội và Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp và Bảng tổng hợp kết quả theo dõi tính kịp thời, đầy đủ của việc ban hành văn bản quy định chi tiết văn bản dưới luật (theo mẫu quy định tại Mẫu 01 kèm theo Phụ lục này).

b) Tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản quy định chi tiết

Đánh giá tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của văn bản quy định chi tiết, so sánh mức độ tăng, giảm, đánh giá mức độ nghiêm trọng và các hệ quả đối với xã hội, chỉ ra nguyên nhân của tình trạng này.

Lập Bảng là Danh mục văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và Danh mục văn bản quy định chi tiết có nội dung không bảo đảm tính khả thi (theo Mẫu 02 và Mẫu 03 ban hành kèm theo Phụ lục này).

c) Đánh giá chung về tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết

- Ưu điểm;

- Tồn tại, hạn chế;

- Nguyên nhân.

1.3. Tình hình bảo đảm điều kiện cho thi hành pháp luật

a) Kết quả theo dõi tính kịp thời, đầy đủ, hiệu quả của công tác phổ biến, tập

huấn pháp luật

b) Kết quả theo dõi tính phù hợp của tổ chức bộ máy, biên chế, kinh phí cho thi hành pháp luật

d) Đánh giá chung tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật

- Ưu điểm

- Tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân

II. Tình hình tuân thủ pháp luật

1. Tình hình thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền

a) Tình hình thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền qua công tác thanh tra

b) Tình hình thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

c) Tình hình thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền qua công tác giải quyết, xét xử vụ án hành chính

d) Tình hình thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền qua công tác bồi thường của Nhà nước

Lập phụ lục hành vi vi phạm phổ biến của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền đối với mỗi loại công tác trên

2. Tình hình tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân

- Tình hình vi phạm pháp luật hình sự (tình hình tội phạm);

- Tình hình vi phạm hành chính;

- Tình hình tranh chấp, khiếu kiện của người dân, doanh nghiệp (tình hình giải quyết, xét xử các vụ việc dân sự).

Lập Bảng tổng hợp vụ việc khiếu nại, tố cáo và vi phạm pháp luật đã được tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết (Theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Phụ lục này).

3. Đánh giá chung về tình hình tuân thủ pháp luật

a) Ưu điểm

b) Tồn tại, hạn chế

c) Nguyên nhân

III. Đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp

1. Đối với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu quốc hội

2. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

- Về ban hành văn bản quy định chi tiết
- Về các biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật
- Về đấu tranh, xử lý vi phạm pháp luật, nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật

3. Đối với các Bộ, ngành và địa phương

4. Đối với Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

Mẫu số 01
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THEO DÕI TÌNH HÌNH BAN HÀNH VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT (*)

(Kèm theo Phụ lục 01)

ST T	Văn bản được quy định chi tiết			Văn bản quy định chi tiết								Gh i ch ú
	Tên, số, ký hiệu văn bản	Ngày có hiệu lực	Tổng số nội dung giao quy định chi tiết	Tổng số nội dung đã quy định chi tiết	Tên văn bản quy định chi tiết	Thời gian ban hành (theo kế hoạch)	Tình trạng hiện nay					
							Đã ban hành (Ngày có hiệu lực)	Chưa ban hành				
								Đang soạn thảo	Thẩm định	Thẩm tra	Đã trình	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(U)	(12)	(13)
I. Luật, Pháp lệnh												
II. Văn bản dưới luật												

GIẢI THÍCH MẪU SỐ 01

(*) Biểu mẫu này áp dụng đối với Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các cấp. Đây là Bảng tổng hợp kết quả theo dõi tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết.

(1) Chữ viết tắt tên cơ quan lập Báo cáo.

(2) Tên của cơ quan lập Báo cáo.

1. Cột (2): Ghi tên, số, ký hiệu văn bản.

2. Cột (3): Ghi ngày văn bản bắt đầu có hiệu lực thi hành.

3. Cột (4): Ghi tổng số nội dung giao quy định chi tiết, đồng thời ghi tắt tên điều, khoản giao quy định chi tiết. Ví dụ: K2 Đ3, K5 Đ7,...

4. Cột (5): Ghi tổng số nội dung luật, pháp lệnh giao quy định chi tiết đã được quy định chi tiết thành văn bản (ghi cụ thể tên Điều, Khoản, Điểm)

5. Cột (6): Ghi lần lượt từng văn bản quy định chi tiết theo thứ tự hiệu lực từ cao tới thấp.

6. Cột (7): Ghi thời gian ban hành văn bản quy định chi tiết theo kế hoạch. Kế hoạch được hiểu là Kế hoạch ban hành văn bản quy định chi tiết (quy định tại Điều 1 Thông tư 14/2014/TT-BTP) hoặc nội dung về ban hành văn bản quy định chi tiết trong kế hoạch triển khai (chỉ thị hoặc văn bản khác) triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật

7. Cột (8): Đối với văn bản quy định chi tiết đã được ban hành, ghi thời gian bắt đầu có hiệu lực.

8. Cột (9), (10), (11), (12): Đối với văn bản quy định chi tiết chưa được ban hành, đánh dấu (X) vào cột tương ứng với tình trạng hiện nay.

9. Cột (11): Đối với các văn bản không cần thẩm tra thì không cần phải ghi.

10. Cột (13) cơ quan tiến hành báo cáo có thể ghi và giải thích thêm một số vấn đề liên quan, giải thích lý do không điền được thông tin vào các cột trước đó.

Mẫu số 02

DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT CÓ NỘI DUNG KHÔNG BẢO ĐẢM TÍNH THỐNG NHẤT, ĐỒNG BỘ (*)

(Kèm theo Phụ lục 01)

STT	Lĩnh vực	Tên văn bản quy định chi tiết	Điều khoản không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ	Căn cứ pháp lý xác định nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ	Tình trạng xử lý			Ghi chú
					Đã xử lý theo thẩm quyền	Đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý	Đã phát hiện nhưng chưa xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

GIẢI THÍCH MẪU SỐ 02

(*) Các văn bản quy định chi tiết được đề cập ở Phụ lục này là: nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư, thông tư liên tịch của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(1) Chữ viết tắt tên cơ quan lập Báo cáo.

(2) Tên của cơ quan lập Báo cáo.

1. Cột (2): Ghi rõ tên lĩnh vực được xác định trong Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật,

2. Cột (3): Ghi rõ tên, cơ quan, thời điểm ban hành văn bản có chứa quy định không đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ.

3. Cột (4): Nêu rõ tên và nội dung điều, khoản, điểm trong văn bản không đảm bảo tính thống nhất, tính đồng bộ.

4. Cột (5): Nêu rõ căn cứ pháp lý xác định nội dung không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ: trái, mâu thuẫn, chồng chéo với nội dung nào của văn bản làm cơ sở để xem xét, đối chiếu.

5. Cột (6), (7) cần ghi rõ hình thức xử lý: hủy bỏ, bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ thi hành.

6. Cột (8): Ghi rõ chưa xử lý theo thẩm quyền hay chưa kiến nghị xử lý.

7. Cột (9): Cơ quan tiến hành báo cáo có thể ghi và giải thích thêm một số vấn đề liên quan, giải thích lý do không điền được thông tin vào các cột trước đó.

Mẫu số 03
DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT NỘI DUNG KHÔNG BẢO ĐẢM TÍNH KHẢ THI
(*)

(Kèm theo Phụ lục 01)

STT	Lĩnh vực	Tên văn bản quy định chi tiết	Điều khoản không bảo đảm tính khả thi	Lý do không bảo đảm tính khả thi					Tình trạng xử lý			Ghi chú	
				a	b	c	d	đ	Đã xử lý theo thẩm quyền	Đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý	Đã phát hiện nhưng chưa xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)					(6)	(7)	(8)	(9)	

GIẢI THÍCH MẪU SỐ 03

(*) Các văn bản quy định chi tiết được đề cập ở Danh mục này là: nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(1) Chữ viết tắt tên cơ quan lập Báo cáo.

(2) Tên của cơ quan lập Báo cáo.

1. Cột (2): Ghi rõ tên lĩnh vực được xác định trong Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật.

2. Cột (3): Ghi rõ tên, số, ký hiệu, thời gian hành văn bản có chứa quy định không đảm bảo tính khả thi.

3. Cột (4): Nêu rõ tên và nội dung điều, khoản, điểm trong văn bản không bảo đảm tính khả thi.

4. Cột (5): Đánh dấu vào lý do không bảo đảm tính khả thi được xác định căn cứ vào những tiêu chí lần lượt được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 14/2014/TT-BTP, cụ thể:

a) Sự phù hợp của các quy định với điều kiện kinh tế - xã hội, trình độ dân trí, truyền thống văn hóa và phong tục tập quán;

b) Sự phù hợp của các quy định với điều kiện thực tế về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực, nguồn tài chính để thi hành;

c) Sự hợp lý của các biện pháp giải quyết vấn đề và chế tài xử lý;

d) Sự rõ ràng của các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức và trình tự, thủ tục thực hiện;

đ) Sự rõ ràng, cụ thể của các quy định để có thể thực hiện đúng, hiểu thống nhất, thuận tiện khi thực hiện và áp dụng.

5. Cột (6), (7): Ghi rõ hình thức xử lý: hủy bỏ, bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ thi hành.

6. Cột (8): Ghi rõ chưa xử lý theo thẩm quyền hay chưa kiến nghị xử lý.

7. Cột (9) cơ quan tiến hành báo cáo có thể ghi và giải thích thêm một số vấn đề liên quan, giải thích lý do không điền được thông tin vào các cột trước đó.

Mẫu số 04
BẢNG TỔNG HỢP VỤ VIỆC KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ VI PHẠM PHÁP LUẬT ĐÃ ĐƯỢC TÒA ÁN,
CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN, THỤ LÝ, GIẢI QUYẾT (*)

(Kèm theo Phụ lục 01)

STT	Lĩnh vực	Tố cáo		Khiếu nại		Tổng số vụ việc vi phạm pháp luật								Ghi chú	
						Hình sự		Dân sự		Kỷ luật		Hành chính			
		Số vụ việc đã được giải quyết	Số vụ việc chưa được giải quyết	Số vụ việc đã được giải quyết	Số vụ việc chưa được giải quyết	Số vụ việc đã được giải quyết	Số vụ việc chưa được giải quyết	Số vụ việc đã được giải quyết	Số vụ việc chưa được giải quyết	Số vụ việc đã được giải quyết	Số vụ việc chưa được giải quyết	Số vụ việc đã được giải quyết	Số vụ việc chưa được giải quyết		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	

GIẢI THÍCH MẪU SỐ 04

* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp đề nghị Tòa án nhân dân cùng cấp cung cấp số liệu này.

(1) Chữ viết tắt tên cơ quan lập Báo cáo.

(2) Tên của cơ quan lập Báo cáo.

1. Cột (2) tới cột (11): Ghi rõ số vụ việc tương ứng với từng tiêu chí.

2. Cột (12): Cơ quan tiến hành báo cáo có thể ghi và giải thích thêm một số vấn đề liên quan, giải thích lý do không điền được thông tin vào các cột trước đó.

1 Tên của cơ quan thực hiện báo cáo.

² Viết tắt tên của cơ quan thực hiện báo cáo.

³ Địa danh.

⁴ Thời gian thực hiện báo cáo (06 tháng hoặc năm).

⁵ Tên của cơ quan thực hiện báo cáo

6 Trong nội dung này có sự phân tích các số liệu được nêu trong các bảng tổng hợp số liệu và có so sánh sự tăng hay giảm so với cùng kỳ năm trước.

⁷ Đối với báo cáo định kỳ 06 tháng thì không cần phải báo cáo nội dung này.

8 Đối với báo cáo định kỳ 06 tháng thì không cần phải báo cáo nội dung này.

9 Thời gian thực hiện báo cáo (06 tháng hoặc hàng năm).

¹⁰ Tên cơ quan nhận báo cáo.

¹¹ Tên cơ quan nhận báo cáo.

¹² Quyền hạn và chức vụ của người ký báo cáo.

1 Báo cáo tình hình thi hành pháp luật đối với một lĩnh vực cụ thể cũng được thực hiện theo Đề cương Báo cáo này.

² Tên của cơ quan thực hiện báo cáo.

³ Viết tắt tên của cơ quan thực hiện báo cáo.

⁴ Địa danh.

⁵ Năm thực hiện báo cáo hoặc về lĩnh vực cụ thể.

6 Tên cơ quan nhận Báo cáo.

⁷ Quyền hạn và chức vụ của người ký Báo cáo.

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo theo dõi thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội

(Kèm theo Công văn số 3770 /LĐTBXH-PC ngày 07/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về báo cáo theo dõi thi hành pháp luật 2018)

I. Tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội

1. Đánh giá tính đầy đủ, kịp thời của việc ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản; tính thống nhất, đồng bộ và khả thi của văn bản;

2. Những tồn tại, hạn chế của việc ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành văn bản quy phạm pháp luật và nguyên nhân.

II. Tình hình đảm bảo các điều kiện cho thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội

1. Kết quả đạt được trong việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật và việc bảo đảm điều kiện về tổ chức, biên chế và kinh phí cho công tác thi hành pháp luật;

2. Những tồn tại, hạn chế trong việc bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật và nguyên nhân.

III. Tình hình tuân thủ các quy định của pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội

1. Đánh giá việc tuân thủ pháp luật của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong việc hướng dẫn thi hành pháp luật, ban hành quyết định áp dụng pháp luật; ý thức tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân và công dân;

2. Những tồn tại, hạn chế trong việc tuân thủ quy định của pháp luật và nguyên nhân.

IV. Đề xuất, kiến nghị

1. Đề xuất hoàn thiện pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội.

2. Đề xuất nâng cao hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật và thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực y tế; tài nguyên và môi trường; lao động, thương binh và xã hội.

Phụ lục 03

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo tình hình tuân thủ pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực lao động, người có công và xã hội

(Kèm theo Công văn số 3770 /LĐTBXH-PC ngày 07/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về báo cáo theo dõi thi hành pháp luật 2018)

I. Tình hình tuân thủ pháp luật

1. Tình hình thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền

a) Tình hình thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền qua công tác thanh tra

b) Tình hình thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

c) Tình hình thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền qua công tác giải quyết, xét xử vụ án hành chính

d) Tình hình thi hành pháp luật của cơ quan nhà nước và người có thẩm quyền qua công tác bồi thường của Nhà nước

Lập phụ lục hành vi vi phạm phổ biến của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền đối với mỗi loại công tác trên

2. Tình hình tuân thủ pháp luật của tổ chức, cá nhân

- Tình hình vi phạm pháp luật hình sự (tình hình tội phạm);

- Tình hình vi phạm hành chính;

- Tình hình tranh chấp, khiếu kiện của người dân, doanh nghiệp (tình hình giải quyết, xét xử các vụ việc dân sự).

Lập Bảng tổng hợp vụ việc khiếu nại, tố cáo và vi phạm pháp luật đã được tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết (Theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Phụ lục 01).

3. Đánh giá chung về tình hình tuân thủ pháp luật

a) Ưu điểm

b) Tồn tại, hạn chế

c) Nguyên nhân

II. Đề xuất, kiến nghị

1. Đối với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội và đại biểu quốc hội

2. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

- Về ban hành văn bản quy định chi tiết

- Về các biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật

- Về đấu tranh, xử lý vi phạm pháp luật, nâng cao mức độ tuân thủ pháp luật

3. Đối với các Bộ, ngành và địa phương

4. Đối với Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

Phu lục 04

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo tình hình đảm bảo điều kiện cho thi hành pháp luật của ngành lao động, người có công và xã hội
(Kèm theo Công văn số ~~3770~~ /LDTBXH-PC ngày 07/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về báo cáo theo dõi thi hành pháp luật 2018)

1. Tình hình bảo đảm điều kiện cho thi hành pháp luật

- Số kinh phí cấp cho hoạt động theo dõi thi hành pháp luật của ngành lao động, thương binh và xã hội năm 2018.
- Số kinh phí cấp để đảm bảo thực hiện Quyết định số 48/QĐ-LDTBXH.
- Đánh giá về sự phù hợp của kinh phí bảo đảm cho thi hành pháp luật.

2. Đánh giá chung tình hình bảo đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật

- Kết quả đạt được;
- Tồn tại, hạn chế;
- Nguyên nhân.

3. Đề xuất, kiến nghị nâng cao hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật của ngành lao động, thương binh và xã hội